

QUAN ĐIỂM CỦA P. BOURDIEU VỀ GIAI CẤP VÀ VIỆC VẬN DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU VỀ DI ĐỘNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN HOÀNG QUYÊN^(*)

*G*iai cấp là gì? Đây là ranh giới để phân biệt giai cấp này với các giai cấp khác? Các cá nhân đã dịch chuyển từ vị trí giai cấp này sang vị trí giai cấp khác như thế nào? Và đâu là nhân tố quyết định đến quá trình dịch chuyển đó của các cá nhân? Quá trình tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi trên chính là quá trình tìm hiểu sự di động xã hội của các cá nhân hay nhóm. Bởi, di động xã hội được hiểu là: “Sự dịch chuyển - thường là của cá nhân nhưng đôi khi là của nhóm - giữa các vị trí khác nhau trong hệ thống phân tầng xã hội có ở bất kỳ xã hội nào” (5, tr.140).

Hiện nay, vẫn đang tồn tại hai trường phái nghiên cứu di động xã hội khác nhau. Một bên là những nhà nghiên cứu di động trong bối cảnh của một trật tự thứ bậc xã hội, trong đó các cá nhân có thể được xếp loại theo thu nhập, trình độ giáo dục hay uy tín kinh tế xã hội. Bên kia là những tác giả đặt di động trong bối cảnh một cơ cấu giai cấp, bao gồm những vị trí xã hội được xác định bởi những mối quan hệ trong thị trường lao động và những đơn vị sản xuất. Khi xuất phát từ quan điểm khác nhau người ta cũng chỉ ra những nhân tố khác nhau tác động đến quá trình di

động xã hội của cá nhân. Nếu nghiên cứu di động xã hội trong bối cảnh giai cấp thì chúng ta không thể bỏ qua yếu tố như quyền sở hữu tư liệu sản xuất, khi nghiên cứu theo bối cảnh trật tự thứ bậc chúng ta không thể bỏ qua nhân tố cá nhân như trình độ học vấn, uy tín cá nhân. Trong khi đó, P. Bourdieu có cách tiếp cận động và khá linh hoạt về giai cấp. Do đó, có thể nói, quan điểm của ông được cho là đã dung hòa giữa hai trường phái nêu trên. Quan điểm của ông cũng đã được nhiều học giả trên thế giới áp dụng trong các công trình nghiên cứu về di động nghề nghiệp, đặc biệt là nghiên cứu di động nghề nghiệp liên thế hệ. Ví dụ, trong công trình nghiên cứu về giới và giai cấp trong lĩnh vực công việc chăm sóc được tiến hành ở Australia, tác giả Kate Elizabeth Huppats đã sử dụng lý thuyết của Bourdieu để làm rõ những động cơ thúc đẩy, các kinh nghiệm di động và nguyện vọng của những y tá và người làm công tác xã hội thuộc các giai cấp khác nhau. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, khi các tầng lớp xã hội đang dần ổn

^(*) Khoa Xã hội học, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực IV.

định, thì việc vận dụng quan điểm của P. Bourdieu về giai cấp và quá trình thiết lập giai cấp sẽ cho chúng ta những chỉ dẫn quý báu để thấy rõ những quá trình mà trong đó những ưu thế và bất lợi xã hội được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác khi nói đến sự di động xã hội, đặc biệt trong các nghiên cứu về di động xã hội liên thế hệ.

I. Quan điểm của P. Bourdieu về giai cấp

1. P. Bourdieu là nhà xã hội học người Pháp, “lý thuyết của ông có tính chất sinh động bởi khát vọng khắc phục cái mà ông gọi là sự đối chọi sai lầm giữa chủ nghĩa khách quan và chủ nghĩa chủ quan” (1, tr.93). Khi nói về cấu trúc xã hội, P. Bourdieu có những quan điểm rất khác so với các nhà xã hội học trước đó như K. Marx hay M. Weber. Để làm rõ khác biệt của P. Bourdieu, chúng tôi tiến hành đối chiếu so sánh quan điểm của ông với quan điểm của K. Marx và M. Weber. Điểm khác biệt đầu tiên là việc xác định các giai cấp. K. Marx dựa vào tiêu chí cơ bản là quyền sở hữu về tư liệu sản xuất để chia cấu trúc phân tầng xã hội thành hai tầng bậc chủ yếu là:

- Giai cấp hay tập đoàn người làm ông chủ, sở hữu tư liệu sản xuất, chiếm vị trí thống trị và bóc lột người khác.

- Các nhóm hay các giai cấp còn lại trong xã hội không nắm tư liệu sản xuất.

Còn Weber, nếu xem xét xã hội theo cơ cấu giai cấp thì ông cho rằng trong xã hội tư bản chủ nghĩa có những giai cấp sau:

- 1/ Giai cấp thượng lưu có tài sản
- 2/ Những người cổ cồn trắng không có tài sản
- 3/ Tiểu tư sản

4/ Giai cấp công nhân lao động chân tay.

Trong khi đó, P. Bourdieu sử dụng khái niệm “class” chúng ta có thể dịch là giai cấp, tầng lớp hay nhóm để chỉ những tác nhân có vị trí tương tự trong không gian xã hội (social space). Theo quan điểm của P. Bourdieu: “Trong thực tế, có thể sẽ phải phủ nhận sự tồn tại của các giai cấp như là tập hợp giống nhau về kinh tế và những khác biệt xã hội của các cá nhân trong các nhóm để xác nhận sự tồn tại ở cùng một thời điểm những khoảng không gian khác biệt dựa trên nguyên tắc về kinh tế và những khác biệt xã hội” (11, p.3). Như vậy, theo P. Bourdieu, dù có tồn tại trên thực tế các giai cấp hay không nhưng không gian xã hội là có thật và nhiệm vụ của các nhà khoa học là “thiết lập không gian để có thể giải thích, dự báo nhiều nhất những khác biệt có thể quan sát được của các cá nhân hay những điểm tương đồng để quyết định nguyên tắc căn bản nhất của những khác biệt cần thiết hay những khác biệt hữu hiệu để có thể giải thích hay dự báo toàn bộ những đặc tính quan sát được nhằm nhóm các cá nhân lại thành các nhóm” (11, p.3).

Điểm khác biệt tiếp theo trong quan điểm của P. Bourdieu về giai cấp so với K. Marx và M. Weber là chỉ ra dấu hiệu để phân chia giai cấp. Với K. Marx, dấu hiệu cơ bản nhất để phân chia giai cấp này với giai cấp khác là quyền sở hữu tư liệu sản xuất. K. Marx viết: “Chế độ tư hữu tạo ra sự phân chia cơ bản giữa những người có các nguồn lực kinh tế với những người không. Sự bất bình đẳng về tài sản trong xã hội tư bản dựa trực tiếp trên cơ sở về tư liệu sản xuất như đất đai, máy móc, công xưởng” (8, tr.107). Theo K. Marx, “những thứ mà

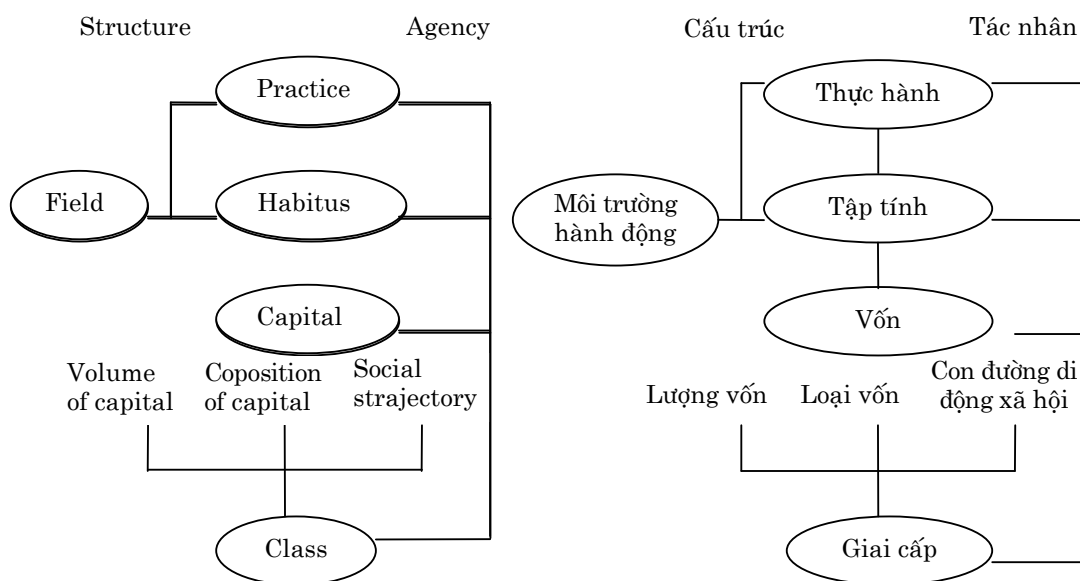
giai cấp tư sản thống trị có được không phải nhờ ở những phẩm chất cá nhân hay phẩm chất con người của hắn, mà chỉ có được với tư cách là người sở hữu tư bản” (6, tr.3). Còn M. Weber định nghĩa, “giai cấp là một nhóm các cá nhân có chung vị thế trong nền kinh tế thị trường và do đó có được những lợi ích kinh tế giống nhau. Theo cách nói của ông, tình huống giai cấp của một người về cơ bản là tình huống thị trường của anh chị ta”. Như vậy, cơ sở để phân chia giai cấp không chỉ từ sự sở hữu, sự kiểm soát hay không có quyền sở hữu, quyền kiểm soát đối với tư liệu sản xuất mà còn từ những “khác biệt kinh tế không liên quan gì tới tài sản. Những nguồn lực đó bao gồm kỹ năng, kỹ xảo và bằng cấp tức trình độ chuyên môn, những cái có tác động mạnh đến loại công việc mà người ta có thể kiếm được” (8, tr.107). Theo M. Weber, địa vị thị trường của một cá nhân có ảnh hưởng mạnh đến cơ may cuộc đời của cá nhân

đó. Chính vì thế, những người có tình huống giai cấp hay tình huống thị trường giống nhau có những cơ may cuộc sống như nhau.

P. Bourdieu không chỉ ra một dấu hiệu cơ bản nào để phân chia giai cấp này với giai cấp khác. Theo ông, việc chỉ ra dấu hiệu nào để phân biệt giai cấp này với giai cấp khác phụ thuộc vào mục đích của từng cá nhân, từng cuộc nghiên cứu. P. Bourdieu lưu ý rằng: “Cũng giống như các nhóm thì những đặc điểm về kinh tế, về xã hội, các nhóm nghề nghiệp hay là các giai cấp đó đều là biểu tượng của sự cấu trúc có định hướng theo mục đích cá nhân” (11, p.9).

Điểm đặc sắc trong lý thuyết của P. Bourdieu về cấu trúc xã hội không phải ở việc trả lời câu hỏi có tồn tại hay không tồn tại các giai cấp cũng như đâu là ranh giới phân biệt giai cấp này với giai cấp khác. Điểm tôi đặc biệt thích thú và quan tâm trong lý thuyết của P.

Sơ đồ Lý thuyết thực tiễn của P. Bourdieu



Bourdieu là những lý giải của ông về quá trình thiết lập các giai cấp. Hay nói cách khác là làm thế nào các giai cấp tồn tại? Và đâu là nhân tố quan trọng quyết định vị trí của từng cá nhân trong mỗi giai cấp? Đó cũng chính là những lý giải rất lý thú của ông về quá trình di động xã hội của cá nhân và nhóm.

2. Để tìm câu trả lời cho những thắc mắc của mình, tôi tìm hiểu Lý thuyết thực tiễn (Theory of Practice) của P. Bourdieu. Lý thuyết này có thể được tóm tắt trong sơ đồ ở trang 29.

Để hiểu được sơ đồ Lý thuyết trên của Bourdieu, chúng ta cần hiểu được khái niệm then chốt trong sơ đồ này. Đó là khái niệm về môi trường hành động (field) và khái niệm tập tính/ tập quán/ thói quen (habitus). Theo Bourdieu, khái niệm môi trường hành động là “biểu hiện cơ bản nhất cho sự định hình các mối quan hệ tập thể giữa các vị trí. Những vị trí này được xác định một cách khách quan trong sự tồn tại của họ và xác định những áp đặt của họ lên những người tham gia, các đại diện hay tổ chức thông qua khả năng hiện tại hay tiềm năng của họ trong cơ cấu quyền lực” (10, p.237). Như vậy, khái niệm môi trường hành động của P. Bourdieu thể hiện những nguyên tắc mà các chủ thể hành động khi tương tác với các cá nhân khác trong môi trường đó sẽ phải tuân theo. Khái niệm này của P. Bourdieu có thể khiến người ta liên tưởng đến quan điểm của các nhà lý thuyết theo trường phái cấu trúc luận khi cho rằng các cá nhân hành động tuân theo các cấu trúc khách quan.

Tuy nhiên, quan điểm của Bourdieu lại không giống với quan điểm của các lý thuyết gia của trường phái cấu trúc luận khi ông đưa ra khái niệm về tập

tính/thói quen (habitus). Khái niệm tập tính của Bourdieu có thể được hiểu là “các cấu trúc về mặt tinh thần hay nhận thức, thông qua đó mọi người xử lý thế giới” (1, tr.96). Nói cách khác, tập tính là “những cấu trúc bên ngoài được cá thể hóa vào bên trong thành những khuynh hướng hành động”. Những tập tính này chỉ cho chúng ta những “nguyên tắc căn bản trong hành động để đạt mục đích. Nó cũng đưa cho chúng ta những khuynh hướng lựa chọn, sản xuất, tái sản xuất những thực hành đặc biệt” (10, p.237). Như vậy, mặc dù tập tính là một cấu trúc có tính chất chủ quan hóa, kìm hãm tư duy và hành động, nhưng nó không quyết định chúng. Tập tính chỉ định hướng cho các cá nhân để họ lựa chọn hành động. Đây chính là điểm khác biệt trong quan điểm của Bourdieu với quan điểm của các lý thuyết gia theo trường phái cấu trúc luận. “Một tập tính chỉ có được theo ý nghĩa là kết quả của một sự chiếm giữ dài ngày một vị trí trong thế giới xã hội” (1, tr.96-97).

Vậy là lý thuyết của Bourdieu chỉ ra rằng, “các cá nhân chiếm giữ cùng vị trí giống nhau trong không gian xã hội cũng có điều kiện sinh tồn giống nhau: kết quả là họ có nhiều cơ hội có vị trí giống nhau, sở thích giống nhau và họ tái sản xuất những hành động giống nhau. Khi họ ở cùng một vị trí họ có nhiều cơ hội có những tập tính giống nhau và theo quy tắc của sự phân tầng thì điều đó dễ khiến họ có được những vị trí giống nhau” (11, p.5). Mặc dù là các cá nhân có cùng môi trường hành động, có cùng một tập tính thì có thể sẽ có cùng vị trí trong không gian xã hội. Nhưng yếu tố nào quyết định vị trí xã hội của từng cá nhân? Theo P. Bourdieu

có ba yếu tố cơ bản quyết định vị trí xã hội của từng cá nhân trong không gian xã hội, là: 1/ lượng vốn mà các cá nhân chiếm giữ (volume capital they possess); 2/ loại vốn mà các cá nhân chiếm giữ (the composition of their capital); 3/ con đường di động trong không gian xã hội (their trajectory in social space). Trong các loại vốn, theo P. Bourdieu, có bốn loại vốn cơ bản, đó là: “vốn kinh tế (economic capital) được biểu hiện dưới rất nhiều hình thức; vốn văn hóa (cultural capital) hay là cái gì đó hơn thế nữa, như là vốn thông tin, biểu hiện với nhiều hình thức của nó; vốn xã hội (social capital) bao gồm những nguồn lực có được dựa vào mối quan hệ của các thành viên trong nhóm; vốn biểu tượng (symbolic capital)” (11, p.5).

2. Vận dụng quan điểm của P. Bourdieu trong nghiên cứu di động xã hội ở Việt Nam

Trong lý thuyết thực tiễn của mình, P. Bourdieu luôn nhấn mạnh đến vai trò của nhân tố văn hóa như phong cách sống đến quá trình các cá nhân chiếm giữ các vị trí trong không gian xã hội. Theo P. Bourdieu, “điều đáng chú ý tương tự như vốn kinh tế, vốn văn hóa có thể được tích lũy và hoán cải thành các vốn khác (kinh tế, xã hội)” (8, tr.111). Trong các nghiên cứu của mình, Bourdieu luôn quan tâm xem xét cách thức mà vốn văn hóa có thể tạo nên những ưu thế hay sự kém ưu thế của nhóm này so với nhóm khác. Do vậy, khi nghiên cứu về quá trình di động xã hội của các cá nhân chúng ta cần lưu ý rằng: vốn văn hóa của gia đình, cách dạy dỗ con cái của gia đình là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới giá trị và cách ứng xử của cá nhân, do đó cũng ảnh hưởng tới cơ hội sống sau này của họ.

Để hiểu rõ hơn luận điểm này của P. Bourdieu, chúng ta hãy xem xét mối quan hệ giữa các nhân tố khác nhau tác động đến quá trình di động như: trình độ học vấn của cá nhân và nguồn gốc gia đình của họ. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng, việc các cá nhân chiếm giữ vị trí nào trong không gian xã hội phụ thuộc rất lớn vào đặc điểm cá nhân của họ. Nhưng những đặc điểm cá nhân này lại bị quy định hay bị ảnh hưởng bởi lĩnh vực hoạt động hay những tập tính của các cá nhân. Điều này liên quan đến nguồn gốc xuất thân và hoàn cảnh sống của mỗi cá nhân.

Chúng ta hãy nhìn vào mối quan hệ giữa trình độ học vấn của cá nhân với nguồn gốc gia đình của cá nhân. Trình độ học vấn là đặc điểm cá nhân, nhưng đặc điểm cá nhân này lại chịu sự quy định của những điều kiện khác như hoàn cảnh sống, nguồn gốc xuất thân của cá nhân đó. Con số thống kê ở Việt Nam cho thấy, “trên thực tế chỉ một bộ phận rất nhỏ, chưa được 0,5% số thanh niên xuất thân từ nhóm 20% gia đình nghèo nhất được vào đại học” (6, tr.74). Đây có thể là một minh chứng cho kết luận “sự phân phối không đều các của cải trong xã hội phân tầng khiến cho kẻ có của, có đặc quyền hưởng được dễ dãi trong giáo dục để phát triển tài năng, trong khi cùng lúc đó khiến cho kẻ ở dưới đây bị bất lợi” (4, tr.62). Điều này đưa ra cho chúng ta chỉ dẫn về việc cần quan tâm đến không chỉ các đặc điểm cá nhân mà phải xem xét đến nguồn gốc xuất thân và hoàn cảnh sống của các cá nhân hay của nhóm khi nghiên cứu về di động xã hội. Có nghĩa là di động trong thế hệ luôn có mối quan hệ chặt chẽ với di động liên thế hệ.

Trong những năm qua ở Việt Nam có rất nhiều nghiên cứu về cơ cấu giai cấp, về phân tầng xã hội. Các nghiên cứu đều chỉ ra những nguyên nhân của bất bình đẳng xã hội nhưng phần lớn chỉ ở dạng liệt kê những rủi ro mà các cá nhân có thể gặp phải chứ chưa chú ý nhiều đến nguyên nhân sâu xa của những bất bình đẳng xã hội. Điều đó có thể là do những nghiên cứu này chỉ quan tâm nghiên cứu sự di động xã hội trong một thể hệ mà chưa chú ý đến sự di động liên thể hệ, nên những bất bình đẳng mang tính cơ cấu chưa được chú ý một cách thỏa đáng. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu về di động xã hội, chúng ta cần đặc biệt quan tâm tới quá trình, trong đó các cá nhân và nhóm có thể chuyển giao những ưu thế hay bất lợi xã hội từ thể hệ này sang thể hệ khác. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam đương đại khi mà các giai cấp và tầng lớp đang có xu hướng dần đi vào ổn định, nghĩa là độ mở của các giai cấp và tầng lớp trong xã hội đang thu hẹp lại thì việc di động đi lên của những người ở tầng dưới sẽ ngày càng gặp nhiều khó khăn. Điều đó cũng có nghĩa là, những người ở tầng trên sẽ dễ dàng chuyển những lợi thế của mình cho con cái họ.

Một chỉ dẫn lý thú khác trong lý thuyết của Bourdieu về di động xã hội chính là vị trí xã hội của mỗi cá nhân chịu sự tác động của những động cơ mang tính giai cấp. Các cá nhân luôn luôn có ý thức về giai cấp và tầng lớp của mình, vì thế họ luôn luôn có ý thức để thoát khỏi hay bảo vệ vị trí xã hội đó. Trong xã hội Việt Nam đang xuất hiện cả hai xu hướng này. Ví dụ khi nghiên cứu về việc định hướng nghề nghiệp cho con cái, các nhà nghiên cứu chỉ ra rằng,

“có một xu hướng chung là người nông dân định hướng cho con cái họ thoát khỏi nông nghiệp” (7, tr.25), nghĩa là những người nông dân không muốn con cái họ tiếp tục duy trì địa vị xã hội hiện tại của họ. Nhưng cũng có những người nông dân không muốn từ bỏ địa vị nghề nghiệp của mình bởi họ không muốn từ bỏ những thói quen trong cuộc sống.

Tác giả Đặng Cảnh Khanh khi nghiên cứu về nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số đã chỉ ra rằng, “có những người thờ ơ với công việc có thu nhập cao và ổn định bởi thích lối sống tự do, phóng khoáng, không muốn ràng buộc bởi những quy định khắt khe của kỷ luật lao động”. Như vậy, rõ ràng là vấn đề lao động và việc làm không chỉ phụ thuộc vào cơ hội thị trường như lý thuyết của Weber mà còn phụ thuộc vào quan điểm, sở thích cũng như thói quen sinh hoạt, cái mà Bourdieu gọi là *field* - lĩnh vực và *habitus* - thói quen/tập tính. Có thể những nhân tố này rất dễ bị bỏ qua khi nghiên cứu về di động nghề nghiệp, đặc biệt là khi chúng ta quá nhấn mạnh đến các tác nhân khác như giới tính, trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp. Do đó, khi nghiên cứu về di động xã hội, chúng ta không thể bỏ qua những động cơ hay những thói quen mang tính giai cấp, những nhân tố có thể tác động một cách trực tiếp hay gián tiếp đến vị trí xã hội của mỗi cá nhân hay nhóm. P. Bourdieu chỉ ra rằng: vị trí xã hội mà mỗi cá nhân chiếm giữ phụ thuộc vào lượng vốn, loại vốn và cách thức di động của mỗi cá nhân, nhưng ông cũng đồng thời chỉ ra sự tác động của các yếu tố như nguồn gốc giai cấp, khuôn mẫu giai cấp, động cơ giai cấp đến lượng và loại vốn hay con đường di động của cá nhân hay nhóm.

Có thể nói, P. Bourdieu trong Lý thuyết thực tiễn của mình đã kế thừa khá tinh tế quan điểm của Marx khi ông xác định một trong những nhân tố quan trọng quyết định vị trí xã hội của cá nhân đó là “vốn kinh tế”, đồng thời trong quan điểm của ông chúng ta cũng nhìn thấy quan điểm của M. Weber khi nói sự tác động của các nhân tố mang tính cá nhân như trình độ học vấn, kỹ năng tay nghề hay uy tín cá nhân khi ông nói tới vai trò của các loại vốn như vốn văn hóa, vốn biểu tượng, vốn xã hội. Tuy nhiên, quan điểm của P. Bourdieu lại là sự kết hợp, một sự dung hòa quan điểm của các trường phái khác nhau khi nghiên cứu về giai cấp, hay quá trình hình thành giai cấp. Do vậy, nó khá phù hợp cho các nhà nghiên cứu khi vận dụng vào nghiên cứu các quá trình di động xã hội, đặc biệt là khi tiếp cận di động xã hội dưới góc độ di động giai cấp hay di động nghề nghiệp, trong bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Quang Hà. Các lý thuyết xã hội học, tập II. H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
2. Đặng Cảnh Khanh. Nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số - những phân tích xã hội học. H.: Thanh niên, 2006.
3. Đỗ Thiên Kính. Hệ thống phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay (Qua những cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2002-2004-2006-2008). H.: Khoa học xã hội, 2012.
4. Tony Bilton và các cộng sự. Nhập môn xã hội học. H.: Khoa học xã hội, 2003.
5. Từ điển xã hội học Oxford. Nhóm dịch giả Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa. H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2010.
6. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. Sự hình thành tầng lớp ưu trội và vai trò của nó ở Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học đề tài cấp Bộ năm 2010.
7. Lê Thị Mai. Nhóm đa nghề và vai trò của nó trong sự phát triển nông thôn đồng bằng Sông Hồng. Luận văn thạc sĩ trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, 1997.
8. Mai Huy Bích. Lý thuyết phân tầng xã hội và những phát triển gần đây ở phương Tây. Tạp chí *Xã hội học*, 2006, số 3(95).
9. Kate Eliza Beth Huppatz. Giai cấp và sự lựa chọn nghề nghiệp - Những động cơ, nguyện vọng bản sắc và sự cơ động của phụ nữ trong công việc chăm sóc, phần I. Tạp chí *Xã hội học*, 2011, số 1 (113).
10. Barak Kalir. The field of work and the Work of field: conceptualising an anthropological research engagement. *Social Anthropology*, Volume 142, Issue 2, 2006.
11. Pierre Bourdieu. What makes a social class? On the theoretical and practical existence of groups. *Berkeley Journal of Sociology*, Vol.32, 1987.